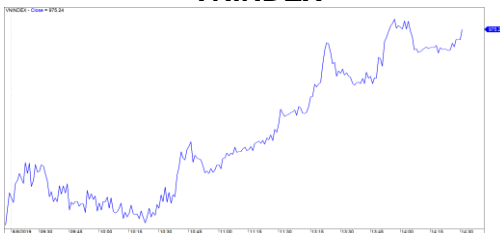


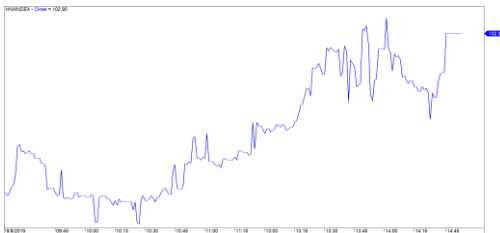
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	975.24	102.90	58.36
% ngày	0.96%	0.99%	0.24%
% tuần	-2.22%	-0.94%	-0.82%
% tháng	0.92%	-0.88%	4.81%
% năm	0.93%	-4.43%	13.78%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	5,923	335	464
TB 1 tuần	5,303	431	520
TB 1 tháng	4,173	418	398
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	1,606.25	13.71	52.79
Bán	1,727.45	15.48	41.42
Giá trị ròng	-121.20	-1.77	11.37
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	179	65	211
Mã Giảm	109	70	102
Không Đổi	100	232	580
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	16.24	9.14	19.67
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,266	187	1,048
LS Cổ tức	1.77%	2.87%	5.95%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

**VNINDEX**



**HNIINDEX**



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index mở rộng đà hồi phục sang phiên thứ 2 liên tiếp khi đóng cửa tăng 0.96% dừng tại 975.24 điểm trong khi chỉ số HNX-Index cũng đồng thuận khi tăng 0.99% dừng tại 102.9 điểm, chỉ số Upcom-Index tăng 0.25% neo tại 58.36 điểm. Điểm cộng thêm nữa là giá trị giao dịch cải thiện khi đạt 4,138 tỷ đồng tăng 18% so với phiên liền trước.

Đà tăng có sự ủng hộ của độ rộng thị trường khi số mã tăng áp đảo mã giảm. Trong đó, HPG gây chú ý khi tăng mạnh 5.4% dừng tại 23,300 đồng/cp. Ngoài ra, VRE, VIC, REE, BVH, CTG, DPM cũng góp mặt vào danh sách những mã ảnh hưởng tích cực tới VN-Index. Nhóm cổ phiếu căng biển nổi sừng khi GMD(+5.9%), VSC(+6.9%), DVP(+6.9%). Trong khi đó, nhóm Dầu khí phát đi tín hiệu hồi phục sau chuỗi phiên giảm vừa qua khi PVD, PVS, PVT, PLX, PVC đều tăng giá. Nhóm Mid-Cap và Small-Cap cũng tham gia vào đà tăng với VNMid-Index tăng 0.89% và VNSML-Index tăng 0.77%. NTL, HAH, KSB, HDC, DPG, DIG... là một vài cái tên có mức tăng nổi bật trong phiên.

Khối ngoại có phiên bán ròng thứ 6 liên tiếp với giá trị hơn 112 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, VJC(49 tỷ), SSI(22 tỷ), E1VFN30(33 tỷ) là các mã bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều mua, VIC(42 tỷ), VEA(16 tỷ) là những mã được mua ròng tích cực nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại vùng giá 980.5 điểm trong vài phiên tới. Đồng thời, lực cầu giá thấp đang có chiều hướng gia tăng và khối lượng giao dịch cũng cải thiện tích cực hơn cho thấy dòng tiền ngắn hạn tăng trở lại, nhưng xu hướng này vẫn chưa rõ ràng. Ngoài ra, tỷ trọng ngắn hạn tiếp tục tăng cho thấy cơ hội giải ngân mới gia tăng trở lại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 983.07 điểm của chỉ số VN-Index và 104.38 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục đứng ngoài thị trường hoặc nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu để mở vị thế mua mới.

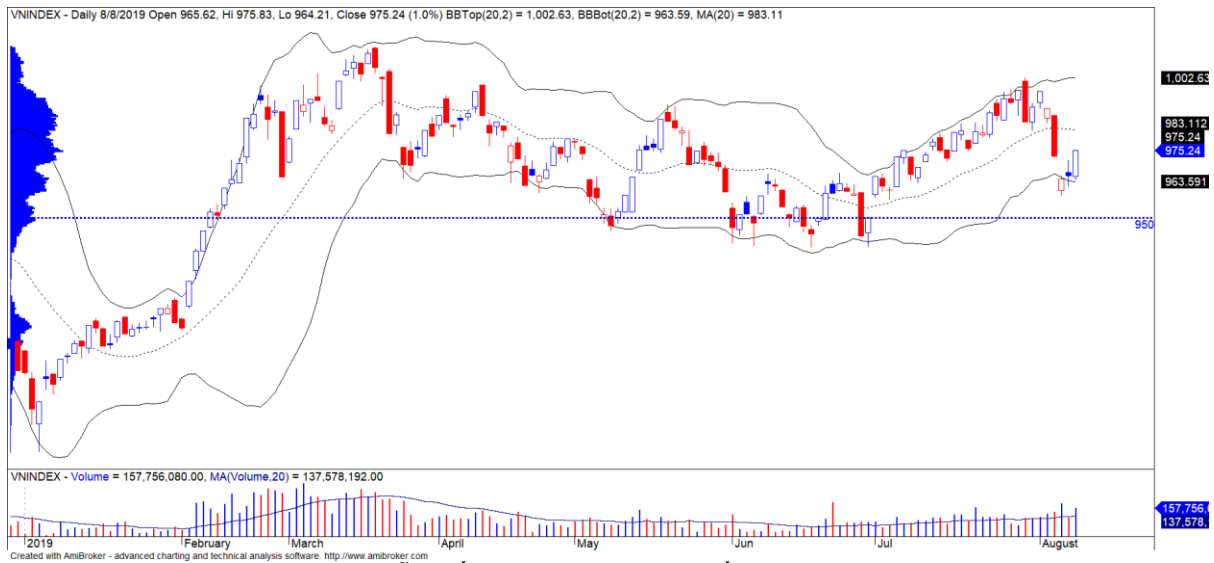
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 42% cổ phiếu/58% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>TĂNG</b>	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	108	110	105	101
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>TĂNG</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>TĂNG</b>	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.50	GIẢM	TĂNG		18.14			16.85	17.01	3.86%	
ACB	22.00	GIẢM	GIẢM		22.49				24.18		
ACV	85.80	TĂNG	TĂNG	85.80	85.28	0.00%	MUA	90.00	81.77	-4.67%	
ANV	25.40	GIẢM	GIẢM		26.06				30.40		
ASM	6.22	GIẢM	GIẢM		6.42				7.60		
BFC	14.90	GIẢM	GIẢM		15.82				19.43		
BID	34.70	TĂNG	TĂNG	32.65	34.17	6.28%		33.40	31.60	3.89%	
BMP	52.30	TĂNG	TĂNG	52.30	50.07	0.00%	MUA	48.30	44.48	8.28%	
BSR	9.80	GIẢM	GIẢM		10.68				12.90		
BVH	79.90	GIẢM	TĂNG		80.37			85.40	76.69	-6.44%	
BWE	26.40	GIẢM	TĂNG		26.83			20.00	25.45	32.00%	
CEO	10.40	GIẢM	GIẢM		10.71				11.33		
CII	21.70	GIẢM	GIẢM		22.08				23.79		
CMG	36.80	GIẢM	TĂNG		39.61			23.20	34.35	58.62%	
CMX	28.70	GIẢM	TĂNG	23.75	28.73	20.98%	BÁN	5.91	21.62	385.62%	
CSM	15.05	GIẢM	TĂNG		15.06			14.39	14.22	4.58%	
CTD	107.00	GIẢM	TĂNG	102.00	107.83	5.72%	BÁN	112.70	97.13	-5.06%	
CTG	20.45	GIẢM	GIẢM		20.90				22.80		
CTI	23.10	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	56.80	TĂNG	N/A	28.80	49.24	97.22%		-	N/A		
CVT	19.00	GIẢM	TĂNG		19.93			20.35	18.32	-6.63%	
DCM	8.06	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		
DGC	31.40	TĂNG	TĂNG	31.30	30.78	0.32%		31.90	27.35	-1.57%	
DGW	22.40	GIẢM	TĂNG		22.88			23.50	21.23	-4.68%	
DHA	36.40	TĂNG	TĂNG	32.25	34.92	12.87%		29.10	32.95	25.09%	
DHC	34.75	TĂNG	TĂNG	36.00	34.32	-3.47%		35.20	33.00	-1.28%	
DHG	95.60	GIẢM	GIẢM		99.00				113.13		
DIG	12.85	GIẢM	GIẢM		13.30				14.54		
DPG	48.90	TĂNG	TĂNG	39.40	44.32	24.11%		40.02	34.78	22.20%	
DPM	13.75	GIẢM	GIẢM		14.19				16.72		
DPR	47.20	TĂNG	TĂNG	45.50	43.85	3.74%		42.50	40.21	11.06%	
DQC	17.70	GIẢM	GIẢM		18.91				20.27		
DRC	19.50	GIẢM	GIẢM		19.94				20.88		
DXG	15.10	GIẢM	GIẢM		17.01				20.75		
EIB	17.60	GIẢM	TĂNG		18.50			14.70	16.88	19.73%	



We Create Fortune

FCN	13.00	GIẢM	GIẢM		13.61			16.05	13.18	-17.87%	
FMC	29.90	TĂNG	GIẢM	28.95	29.48	3.28%			30.62		
FPT	50.30	TĂNG	TĂNG	45.20	47.80	11.28%		46.00	45.47	9.35%	
GAS	101.00	GIẢM	GIẢM		106.46				113.06		
GEX	23.10	TĂNG	GIẢM	22.20	22.41	4.05%			23.15		
GIL	23.50	GIẢM	GIẢM		25.13				29.00		
GMD	28.00	TĂNG	TĂNG	26.55	25.56	5.46%			27.99		
GTN	20.00	TĂNG	TĂNG	18.80	18.00	6.38%		15.00	16.37	33.33%	
GVR	16.60	TĂNG	N/A	13.50	15.02	22.96%			N/A		
HAG	5.01	GIẢM	GIẢM		5.14				5.62		
HAX	18.75	GIẢM	TĂNG		19.37			15.75	17.24	19.05%	
HBC	14.00	TĂNG	GIẢM	14.25	13.21	-1.75%			16.53		
HCM	20.25	GIẢM	GIẢM		21.02				25.61		
HDB	25.00	GIẢM	GIẢM		25.64				28.56		
HDC	19.05	TĂNG	TĂNG	15.25	16.63	24.92%		15.25	13.82	24.92%	
HDG	37.15	TĂNG	TĂNG	32.70	35.12	13.61%		35.30	31.88	5.24%	
HNG	18.35	TĂNG	TĂNG	18.35	18.31	0.00%	MUA	17.10	16.59	7.31%	
HPG	23.30	TĂNG	GIẢM	23.30	23.04	0.00%	MUA		23.96		
HSG	6.83	GIẢM	GIẢM		7.23			9.30	7.01	-24.57%	
HT1	15.10	GIẢM	GIẢM		15.78			14.80	15.47	4.49%	
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.37				3.07		
HVN	39.95	GIẢM	TĂNG		40.75			39.00	38.75	2.44%	
KBC	15.60	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	-2.50%		15.35	14.17	1.63%	
KDH	23.40	TĂNG	GIẢM	22.90	21.97	2.18%			23.94		
KSB	24.65	TĂNG	GIẢM	22.95	22.45	7.41%			24.84		
LCG	9.77	GIẢM	GIẢM		10.35				11.44		
LDG	7.77	TĂNG	GIẢM	8.18	7.63	-5.01%			9.54		
LHG	19.00	TĂNG	TĂNG	18.70	17.94	1.60%		19.30	17.32	-1.55%	
LPB	7.90	GIẢM	GIẢM		8.21				8.51		
LSS	5.20	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-3.53%			5.84		
MBB	21.60	GIẢM	TĂNG		22.16			21.85	20.88	-1.14%	
MPC	36.00	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	0.84%			40.20		
MSN	74.80	GIẢM	GIẢM		78.45				86.73		
MSR	16.60	GIẢM	GIẢM		17.55				20.63		
MWG	113.00	TĂNG	TĂNG	110.00	106.52	2.73%		88.70	99.40	27.40%	
NDN	18.40	TĂNG	TĂNG	14.10	17.26	30.50%		13.70	14.96	34.31%	
NKG	6.11	GIẢM	GIẢM		6.31				7.00		
NLG	30.60	TĂNG	TĂNG	29.90	29.85	2.34%		28.70	27.83	6.62%	
NT2	24.25	GIẢM	GIẢM		25.05				27.88		



We Create Fortune

NTL	27.50	TĂNG	TĂNG	22.95	24.71	19.83%		10.45	22.13	163.16%	
NVL	58.90	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.10	GIẢM	GIẢM		11.48				12.65		
PAC	30.35	GIẢM	GIẢM		31.48				36.90		
PC1	16.00	GIẢM	GIẢM		16.82				19.79		
PDR	26.80	TĂNG	TĂNG	24.10	26.44	11.20%		29.00	24.63	-7.59%	
PHR	75.20	TĂNG	TĂNG	61.20	71.02	22.88%		24.00	59.28	213.33%	
PLX	62.20	GIẢM	TĂNG		64.11			62.40	59.59	-0.32%	
PNJ	84.80	TĂNG	TĂNG	77.00	80.94	10.13%		104.00	72.08	-18.46%	
POW	13.35	GIẢM	GIẢM		14.31			15.70	13.92	-11.37%	
PVT	18.50	TĂNG	TĂNG	17.45	17.31	6.02%		18.30	17.62	1.09%	MUA
PPC	24.80	GIẢM	GIẢM		26.55				31.62		
PTB	68.00	GIẢM	TĂNG		68.09			64.00	64.57	6.25%	
PVB	21.90	TĂNG	TĂNG	20.20	20.11	8.42%		20.10	17.72	8.96%	
PVD	16.20	GIẢM	TĂNG		16.31			18.50	16.14	-12.43%	
PVI	36.80	GIẢM	GIẢM		37.35				39.70		
PVS	21.00	GIẢM	GIẢM		21.77			21.10	21.47	1.74%	
PXS	5.99	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	5.09%		4.85	4.61	23.51%	
QNS	30.20	GIẢM	TĂNG		30.80			33.80	28.02	-10.65%	
REE	34.00	TĂNG	TĂNG	34.00	33.27	0.00%	MUA	33.33	31.19	2.02%	
SAB	280.00	GIẢM	TĂNG		286.92			245.00	259.03	14.29%	
SAM	7.76	GIẢM	TĂNG		8.17			7.40	7.69	4.86%	
SCR	6.60	GIẢM	GIẢM		6.92				7.54		
SHI	8.60	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	2.50%		6.99	7.47	23.03%	
SJS	17.40	GIẢM	GIẢM		17.86			-	19.93		
SKG	11.40	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
SSI	21.20	GIẢM	GIẢM		22.64				26.85		
STB	10.45	GIẢM	GIẢM		10.81				12.32		
TCB	20.20	GIẢM	GIẢM		20.75				22.88		
TCM	25.50	TĂNG	GIẢM	26.30	25.15	-3.04%			29.84		
TDH	9.00	GIẢM	GIẢM		9.43			11.65	9.17	-21.29%	
TLH	4.63	TĂNG	GIẢM	4.75	4.49	-2.53%		5.85	4.80	-18.00%	BÁN
TNG	18.70	GIẢM	GIẢM		20.14			12.00	18.79	56.57%	
VCB	78.50	GIẢM	TĂNG		79.78			62.00	71.23	26.61%	
VCG	26.50	TĂNG	TĂNG	27.00	25.73	-1.85%		19.20	24.08	38.02%	
VCS	85.50	TĂNG	TĂNG	81.10	79.49	5.43%		68.00	67.87	25.74%	
VGC	19.40	GIẢM	GIẢM		19.83				20.64		
VGT	9.20	GIẢM	GIẢM		9.71				11.26		
VHC	83.50	GIẢM	GIẢM		87.96				95.80		

We Create Fortune

VHM	84.50	GIẢM	GIẢM		87.86			90.20	87.75	-2.71%	MUA
VIB	20.00	TĂNG	TĂNG	17.00	18.63	17.65%		17.70	16.94	12.99%	
VIC	122.00	GIẢM	TĂNG		122.89			112.00	110.67	8.93%	
VIP	4.97	GIẢM	GIẢM		5.17				5.95		
VJC	131.10	GIẢM	TĂNG		132.68			124.50	124.10	5.30%	
VND	14.60	GIẢM	GIẢM		15.08				16.46		
VNG	18.00	GIẢM	GIẢM		19.77				21.56		
VNM	120.90	GIẢM	GIẢM		123.20				133.60		
VPB	18.70	GIẢM	GIẢM		19.05				19.82		
VPI	42.30	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	0.24%			42.86		
VRC	15.10	TĂNG	GIẢM	15.30	14.39	-1.31%			16.46		
VRE	35.50	GIẢM	TĂNG		36.58			35.00	33.61	1.43%	
VSC	28.60	TĂNG	GIẢM	28.60	28.20	0.00%	MUA		33.85		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.00	GIẢM	GIẢM		22.49				24.18		
BID	34.70	TĂNG	TĂNG	32.65	34.17	6.28%		33.40	31.60	3.89%	
BSR	9.80	GIẢM	GIẢM		10.68				12.90		
BVH	79.90	GIẢM	TĂNG		80.37			85.40	76.69	-6.44%	
CTG	20.45	GIẢM	GIẢM		20.90				22.80		
EIB	17.60	GIẢM	TĂNG		18.50			14.70	16.88	19.73%	
FPT	50.30	TĂNG	TĂNG	45.20	47.80	11.28%		41.00	45.47	22.69%	
GAS	101.00	GIẢM	GIẢM		106.46				113.06		
HDB	25.00	GIẢM	GIẢM		25.64				28.56		
HNG	18.35	TĂNG	TĂNG	18.35	18.31	0.00%	MUA	17.10	16.59	7.31%	
HPG	23.30	TĂNG	GIẢM	23.30	23.04	0.00%	MUA		23.96		
HVN	39.95	GIẢM	TĂNG		40.75			39.00	38.75	2.44%	
KDH	23.40	TĂNG	GIẢM	22.90	21.97	2.18%			23.94		
MBB	21.60	GIẢM	TĂNG		22.16			21.27	20.88	1.55%	
MSN	74.80	GIẢM	GIẢM		78.45				86.73		
MWG	113.00	TĂNG	TĂNG	110.00	106.52	2.73%		88.70	99.40	27.40%	
NVL	58.90	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.10	GIẢM	GIẢM		11.48				12.65		
PLX	62.20	GIẢM	TĂNG		64.11			59.97	59.59	3.72%	
PNJ	84.80	TĂNG	TĂNG	77.00	80.94	10.13%		77.88	72.08	8.88%	

We Create Fortune

POW	13.35	GIẢM	GIẢM		14.31			15.70	13.92	-11.37%	
PVS	21.00	GIẢM	GIẢM		21.77			21.10	21.47	1.74%	
QNS	30.20	GIẢM	TĂNG		30.80			33.80	28.02	-10.65%	
REE	34.00	TĂNG	TĂNG	34.00	33.27	0.00%	MUA	33.33	31.19	2.02%	
ROS	27.20	TĂNG	GIẢM	28.50	25.52	-4.56%		34.80	27.33	-21.48%	
SSI	21.20	GIẢM	GIẢM		22.64				26.85		
STB	10.45	GIẢM	GIẢM		10.81				12.32		
TCB	20.20	GIẢM	GIẢM		20.75				22.88		
TPB	22.55	GIẢM	GIẢM		22.88				N/A		
VCB	78.50	GIẢM	TĂNG		79.78			62.00	71.23	26.61%	
VCG	26.50	TĂNG	TĂNG	27.00	25.73	-1.85%		18.44	24.08	43.70%	
VEA	58.20	GIẢM	GIẢM		61.63				N/A		
VGI	35.60	TĂNG	GIẢM	29.50	32.57	20.68%			N/A		
VHM	84.50	GIẢM	GIẢM		87.86			90.20	87.75	-2.71%	MUA
VIB	20.00	TĂNG	TĂNG	17.00	18.63	17.65%		17.70	16.94	12.99%	
VIC	122.00	GIẢM	TĂNG		122.89			112.00	110.67	8.93%	
VJC	131.10	GIẢM	TĂNG		132.68			124.50	124.10	5.30%	
VNM	120.90	GIẢM	GIẢM		123.20				133.60		
VPB	18.70	GIẢM	GIẢM		19.05				19.82		
VRE	35.50	GIẢM	TĂNG		36.58			34.00	33.61	4.42%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.50	GIẢM	TĂNG		18.14			16.85	17.01	3.86%	
ANV	25.40	GIẢM	GIẢM		26.06				30.40		
ASM	6.22	GIẢM	GIẢM		6.42				7.60		
BMP	52.30	TĂNG	TĂNG	52.30	50.07	0.00%	MUA	48.30	44.48	8.28%	
BWE	26.40	GIẢM	TĂNG		26.83			19.44	25.45	35.80%	
C4G	8.10	GIẢM	GIẢM		8.70			-	10.05		
CEO	10.40	GIẢM	GIẢM		10.71				11.33		
CII	21.70	GIẢM	GIẢM		22.08				23.79		
CRE	24.80	GIẢM	GIẢM		25.45			-	26.06		
CTI	23.10	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	56.80	TĂNG	#N/A	28.80	49.24	97.22%		-	#N/A		
DCM	8.06	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		
DHC	34.75	TĂNG	TĂNG	36.00	34.32	-3.47%		35.20	33.00	-1.28%	



We Create Fortune

DIG	12.85	GIẢM	GIẢM		13.30			14.54		
DPM	13.75	GIẢM	GIẢM		14.19			16.72		
DRC	19.50	GIẢM	GIẢM		19.94			20.88		
DXG	15.10	GIẢM	GIẢM		17.01			20.75		
E1VF VN30	14.50	GIẢM	GIẢM		14.61			15.16		
FCN	13.00	GIẢM	GIẢM		13.61		16.05	13.18	-17.87%	
FLC	4.17	TĂNG	GIẢM	3.99	3.78	4.51%		4.57		
FTM	24.00	GIẢM	TĂNG		24.56		16.25	22.18	47.69%	
GEG	28.10	TĂNG	TĂNG	22.80	25.17	23.25%	12.90	21.68	117.83%	
GEX	23.10	TĂNG	GIẢM	22.20	22.41	4.05%		23.15		
GMD	28.00	TĂNG	TĂNG	26.55	25.56	5.46%		27.99		
GTN	20.00	TĂNG	TĂNG	18.80	18.00	6.38%	15.00	16.37	33.33%	
GVR	16.60	TĂNG	#N/A	13.50	15.02	22.96%	-	#N/A		
HAG	5.01	GIẢM	GIẢM		5.14			5.62		
HBC	14.00	TĂNG	GIẢM	14.25	13.21	-1.75%		16.53		
HCM	20.25	GIẢM	GIẢM		21.02			25.61		
HDG	37.15	TĂNG	TĂNG	32.70	35.12	13.61%	35.30	31.88	5.24%	
HPX	26.75	TĂNG	#N/A	26.60	25.96	0.56%	-	#N/A		
HSG	6.83	GIẢM	GIẢM		7.23		8.45	7.01	-17.01%	
HT1	15.10	GIẢM	GIẢM		15.78		14.80	15.47	4.49%	
IBC	21.20	TĂNG	TĂNG	20.90	21.18	1.44%	24.90	20.15	-14.86%	
IDI	6.24	GIẢM	GIẢM		6.64			8.16		
IJC	14.10	TĂNG	TĂNG	11.35	12.86	24.23%	13.10	11.50	7.63%	MUA
ITA	3.48	TĂNG	TĂNG	3.17	3.35	9.78%	3.20	2.83	8.75%	
KBC	15.60	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	-2.50%	15.35	14.17	1.63%	
KSB	24.65	TĂNG	GIẢM	22.95	22.45	7.41%		24.84		
LDG	7.77	TĂNG	GIẢM	8.18	7.63	-5.01%		9.54		
LPB	7.90	GIẢM	GIẢM		8.21			8.51		
MBS	15.40	GIẢM	TĂNG		16.50		16.00	13.39	-3.75%	
MPC	36.00	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	0.84%		40.20		
NBB	21.30	GIẢM	TĂNG		22.33		21.50	19.30	-0.93%	
NKG	6.11	GIẢM	GIẢM		6.31			7.00		
NLG	30.60	TĂNG	TĂNG	29.90	29.85	2.34%	28.70	27.83	6.62%	
NT2	24.25	GIẢM	GIẢM		25.05			27.88		
NTC	182.80	GIẢM	TĂNG	144.00	185.33	28.70%	BÁN	120.00	154.70	52.33%
NTL	27.50	TĂNG	TĂNG	22.95	24.71	19.83%	9.33	22.13	194.71%	
NVB	7.60	GIẢM	GIẢM		8.02			9.00		
OGC	4.00	GIẢM	GIẢM		4.06			4.66		

We Create Fortune

PC1	16.00	GIẢM	GIẢM		16.82			19.79			
PDR	26.80	TĂNG	TĂNG	24.10	26.44	11.20%		23.60	24.63	13.58%	
PHR	75.20	TĂNG	TĂNG	61.20	71.02	22.88%		22.86	59.28	228.90%	
PPC	24.80	GIẢM	GIẢM		26.55			31.62			
PTB	68.00	GIẢM	TĂNG		68.09			60.78	64.57	11.88%	
PVD	16.20	GIẢM	TĂNG		16.31			18.50	16.14	-12.43%	
PVI	36.80	GIẢM	GIẢM		37.35			39.70			
PVT	18.50	TĂNG	TĂNG	17.45	17.31	6.02%		18.30	17.62	1.09%	MUA
QCG	4.47	TĂNG	GIẢM	4.62	4.35	-3.25%		5.32			
SAM	7.76	GIẢM	TĂNG		8.17			7.40	7.69	4.86%	
SBT	16.20	TĂNG	GIẢM	16.75	16.12	-3.28%		17.67			
SCR	6.60	GIẢM	GIẢM		6.92			7.54			
SHB	6.40	GIẢM	GIẢM		6.76			7.42			
SHS	8.50	GIẢM	GIẢM		8.94			10.55	9.22	-12.64%	BÁN
SJS	17.40	GIẢM	GIẢM		17.86			19.93			
STK	21.80	GIẢM	TĂNG		22.84			17.00	21.12	28.24%	
SZC	25.20	TĂNG	#N/A	20.45	24.03	23.23%		-	#N/A		
TCH	22.35	TĂNG	GIẢM	22.05	21.41	1.36%		22.45			
TCM	25.50	TĂNG	GIẢM	26.30	25.15	-3.04%		29.84			
TNG	18.70	GIẢM	GIẢM		20.14			12.00	18.79	56.57%	
TTB	24.45	TĂNG	TĂNG	22.60	24.09	8.19%		24.50	24.16	-0.20%	MUA
VCI	33.60	TĂNG	GIẢM	32.30	32.11	4.02%		35.72			
VGT	9.20	GIẢM	GIẢM		9.71			11.26			
VHC	83.50	GIẢM	GIẢM		87.96			95.80			
VND	14.60	GIẢM	GIẢM		15.08			16.46			
VNG	18.00	GIẢM	GIẢM		19.77			21.56			
VPI	42.30	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	0.24%		42.86			

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	11.00	TĂNG	#N/A	9.40	10.35	17.02%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.19	GIẢM	TĂNG		4.36			3.99	3.71	5.01%	
AMD	1.65	GIẢM	GIẢM		1.73			2.08			
APG	9.09	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	6.94%		9.90	7.90	-8.18%	
ART	2.30	GIẢM	GIẢM		2.48			2.95			
BCC	7.70	GIẢM	TĂNG		8.29			7.70	7.70	0.00%	



We Create Fortune

BCG	6.50	TĂNG	TĂNG	5.82	5.81	11.68%		6.39	5.41	1.72%	
C69	21.00	TĂNG	TĂNG	8.80	19.42	138.64%		5.30	15.89	296.23%	
CCL	7.75	TĂNG	TĂNG	6.38	7.02	21.47%		3.46	5.40	123.99%	
CRC	17.90	TĂNG	TĂNG	15.05	16.60	18.94%			17.35		
CVT	19.00	GIẢM	TĂNG		19.93			20.35	18.32	-6.63%	
DAG	6.75	TĂNG	TĂNG	6.55	6.71	3.05%		7.09	5.92	-4.80%	MUA
DAH	13.05	GIẢM	TĂNG		13.87			4.66	11.21	179.79%	
DGW	22.40	GIẢM	TĂNG		22.88			23.50	21.23	-4.68%	
DLG	1.53	GIẢM	GIẢM		1.56				1.65		
DRH	6.83	TĂNG	GIẢM	7.20	6.82	-5.14%			7.76		
DTD	17.20	TĂNG	TĂNG	15.90	14.98	8.18%		12.90	12.45	33.33%	
EVG	2.74	GIẢM	GIẢM		2.90				3.02		
FIT	3.37	GIẢM	TĂNG		3.54			3.64	3.03	-7.42%	
GKM	14.60	GIẢM	GIẢM		15.06			11.42	14.95	30.87%	
HAH	15.05	TĂNG	TĂNG	12.80	13.12	17.58%		13.00	11.93	15.77%	
HAI	1.73	GIẢM	GIẢM		1.82				1.93		
HAP	3.43	GIẢM	TĂNG		3.54			3.67	3.25	-6.54%	
HAR	3.12	GIẢM	GIẢM		3.36			3.71	4.36	17.51%	BÁN
HCD	3.71	GIẢM	GIẢM		3.94				4.34		
HDA	12.80	TĂNG	TĂNG	10.50	12.02	21.90%		11.30	10.57	13.27%	
HDC	19.05	TĂNG	TĂNG	15.25	16.63	24.92%		15.25	13.82	24.92%	
HHP	11.90	GIẢM	GIẢM		12.26				15.86		
HHS	3.09	GIẢM	GIẢM		3.19				3.67		
HII	11.55	GIẢM	GIẢM		11.71				12.54		
HQC	1.37	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-4.20%			1.50		
HSL	7.89	TĂNG	GIẢM	8.10	7.56	-2.59%			9.33		
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.37				3.07		
HVG	2.70	GIẢM	GIẢM		2.98				4.46		
HVH	27.20	TĂNG	#N/A	27.05	25.41	0.55%			#N/A		
JVC	2.66	GIẢM	GIẢM		2.79				3.22		
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.51				1.73		
KMR	2.84	GIẢM	TĂNG		2.92			3.68	2.65	-22.83%	
LCG	9.77	GIẢM	GIẢM		10.35				11.44		
LGL	10.00	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	40.59%	
LHG	19.00	TĂNG	TĂNG	18.70	17.94	1.60%		19.30	17.32	-1.55%	
LMH	17.00	GIẢM	#N/A		17.44			-	#N/A		
MST	2.40	GIẢM	GIẢM		2.66				3.44		
NDN	18.40	TĂNG	TĂNG	14.10	17.26	30.50%		13.10	14.96	40.41%	
PHC	12.55	GIẢM	GIẢM		12.88				13.87		



We Create Fortune

PVB	21.90	TĂNG	TĂNG	20.20	20.11	8.42%		20.10	17.72	8.96%	
PVC	7.40	GIẢM	TĂNG		7.75			7.10	6.67	4.23%	
PXL	5.20	GIẢM	GIẢM		5.72				7.13		
PXS	5.99	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	5.09%		4.85	4.61	23.51%	
QBS	3.08	TĂNG	GIẢM	3.08	3.08	0.00%	MUA		3.36		
SFG	8.85	GIẢM	GIẢM		9.71				13.19		
SHI	8.60	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	2.50%		6.23	7.47	37.98%	
SJF	2.87	GIẢM	GIẢM		3.23				3.88		
SKG	11.40	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
TDH	9.00	GIẢM	GIẢM		9.43			11.65	9.17	-21.29%	
TIG	3.10	GIẢM	TĂNG		3.31			3.20	3.03	-3.13%	
TLD	5.18	GIẢM	GIẢM		5.46				6.07		
TLH	4.63	TĂNG	GIẢM	4.70	4.49	-1.49%		5.85	4.80	-18.00%	
TNI	10.25	GIẢM	GIẢM		10.82				11.98		
TTF	2.98	GIẢM	GIẢM		3.13			3.99	3.03	-24.11%	
TTH	3.50	GIẢM	GIẢM		3.83				4.48		
TVB	21.20	TĂNG	TĂNG	17.40	19.65	21.84%		20.10	16.46	5.47%	MUA
TVC	15.20	TĂNG	TĂNG	12.50	14.06	21.60%		14.30	12.38	6.29%	MUA
VC3	22.70	GIẢM	TĂNG		23.14			22.00	21.35	3.18%	
VCR	20.50	TĂNG	GIẢM	20.50	19.85	0.00%	MUA		26.40		
VNE	3.14	GIẢM	GIẢM		3.23				4.39		
VPG	20.20	GIẢM	TĂNG		21.21			20.46	19.34	-1.25%	
VRC	15.10	TĂNG	GIẢM	15.40	14.39	-1.95%			16.46		
YBM	10.15	GIẢM	GIẢM		11.37				12.01		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	975.24	0.96%
VN30	875.81	0.87%
VN Mid	958.32	0.89%
VN Small	822.17	0.77%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.9	0.99%
HN30	190.69	1.05%
VNX AllSh	853.55	0.98%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	58.36	0.24%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1606.25	
Bán	1727.45	
GT rỗng	-121.2	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	13.71	
Bán	15.48	
GT rỗng	-1.77	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	52.79	
Bán	41.42	
GT rỗng	11.37	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PME	3500	6.93%
VSC	1850	6.92%
DVP	2800	6.91%
TCL	1800	6.88%
HAH	950	6.74%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NTP	3700	9.79%
VCR	1600	8.47%
SEB	1000	3.08%
PVS	600	2.94%
TNG	400	2.19%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NHH	6000	14.81%
BDT	1600	8.99%
ILS	1200	7.19%
CTR	3200	5.97%
OIL	300	2.78%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VNG	-1100	-5.76%
ITA	-120	-3.33%
CTD	-3100	-2.82%
SAM	-180	-2.27%
SCR	-150	-2.22%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BAX	-1400	-1.82%
NDN	-200	-1.08%
AMV	-300	-1.05%
VCS	-700	-0.81%
L14	-500	-0.78%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SAS	-5700	-12.28%
SIP	-7900	-6.27%
SNZ	-1700	-5.33%
IDC	-1200	-5.22%
BCM	-1200	-3.52%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	394,820	
VCB	290,776	
VHM	281,359	
VNM	210,707	
GAS	192,352	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,020	
VCS	13,516	
VCG	11,705	
PVS	9,751	
PVI	8,366	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	182,246	
VGI	106,780	
VEA	78,351	
GVR	66,580	
MCH	56,455	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VRE	27,598,911	4,107,923
ROS	21,882,010	15,469,885
HPG	12,118,430	6,967,698
ITA	11,282,740	3,518,306
FLC	7,883,210	4,474,975

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	5,178,509	4,752,303
PVS	3,320,403	3,353,019
PVX	1,225,560	741,295
CEO	1,081,490	1,604,995
ACB	1,066,927	1,771,764

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	1,738,491	1,488,872
GTS	1,663,333	73,503
GVR	1,222,841	1,874,449
BAB	1,104,600	387,843
VIB	850,810	874,228

Nguồn: Bloomberg & YSVN

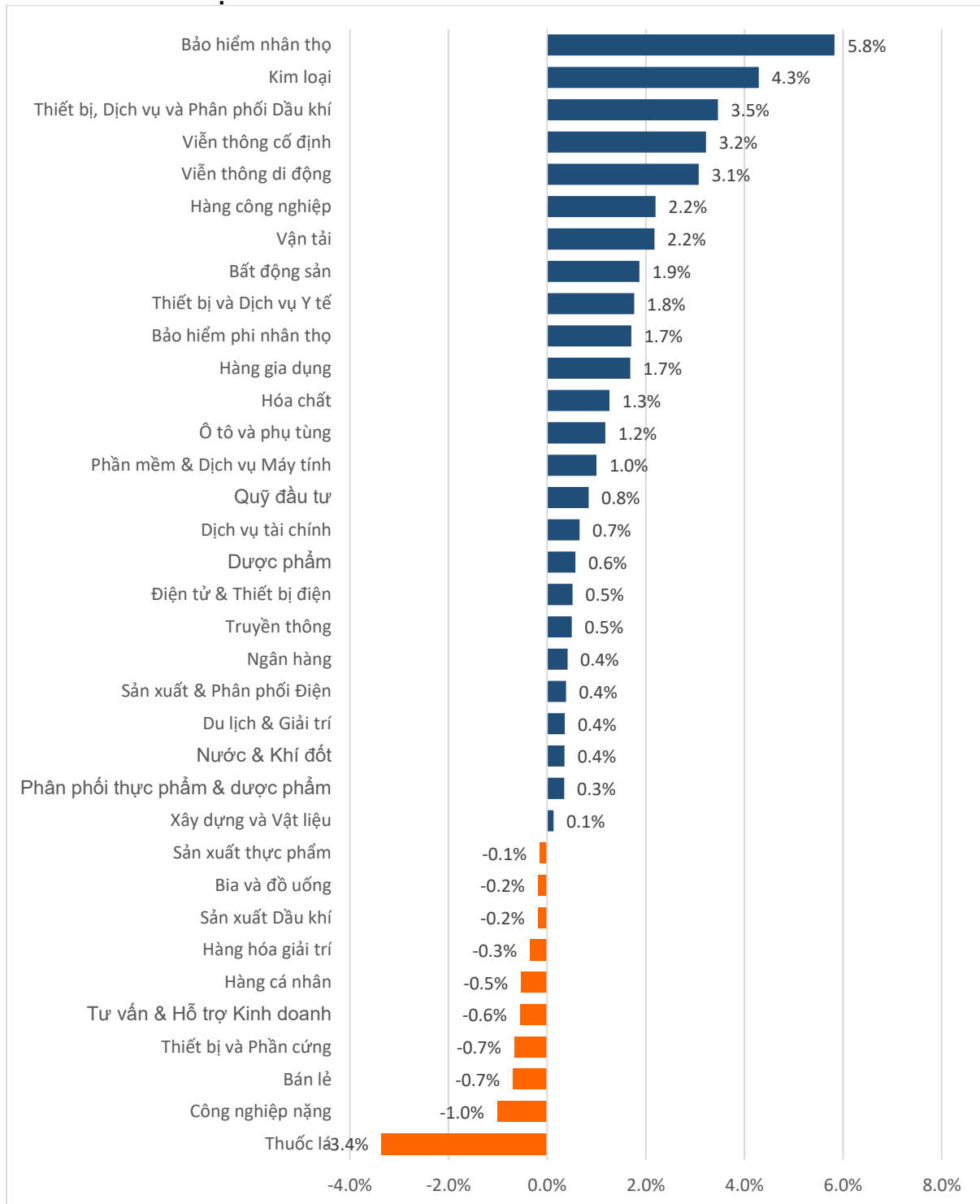
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



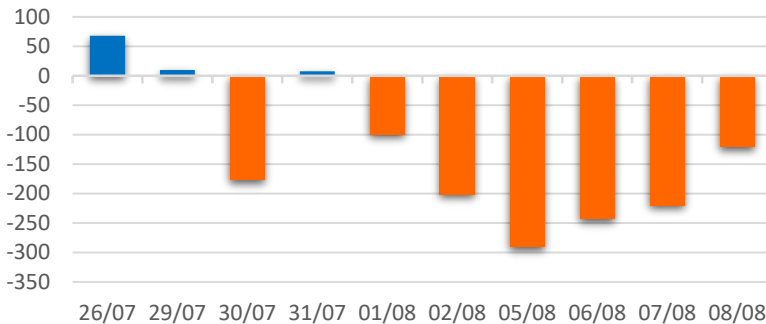
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

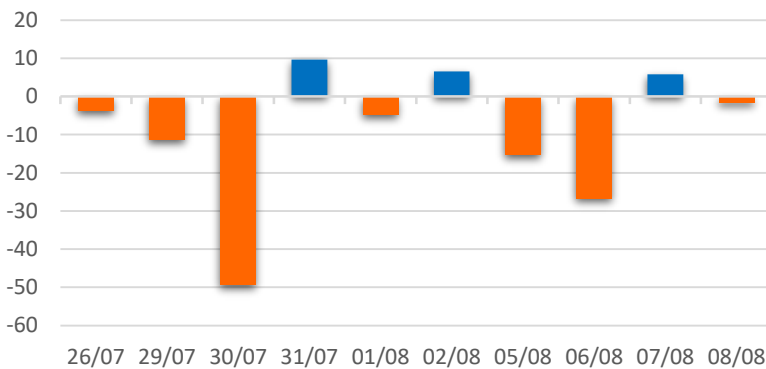
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VIC	41,825	VJC	48,974
VRE	13,641	SSI	22,083
HPG	7,734	E1VFN30	21,005
HDB	5,434	KBC	18,535
GEX	4,664	GAS	11,968

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

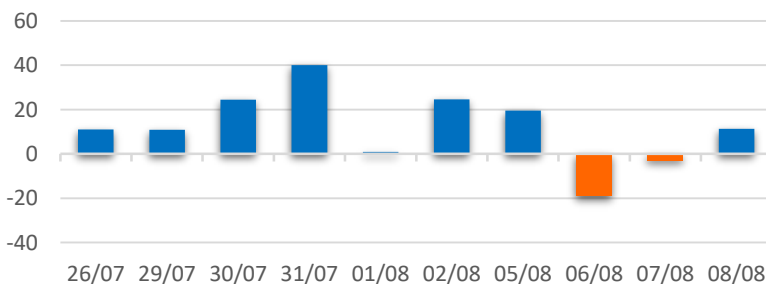
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
DGC	1,592	PVS	2,336
PVI	492	VCS	1,191
SLS	168	BVS	360
HUT	118	IDJ	272
IVS	96	PLC	128

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	16,096	VTP	3,526
OIL	2,526	SAS	1,951
QNS	1,615	ACV	1,355
GVR	378	VGI	1,047
LTG	280	BCM	925

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



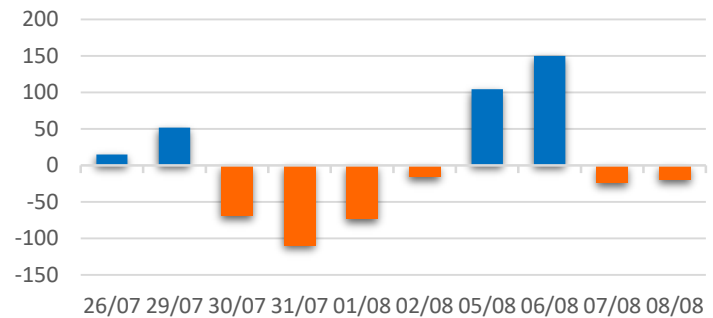
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

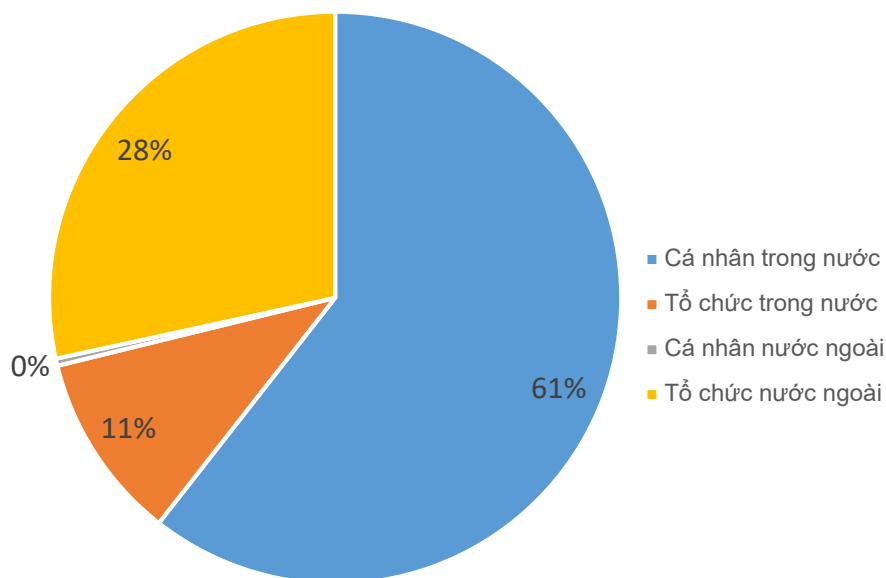
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	24,875	FPT	12,435
HPG	16,754	TCB	9,818
MWG	9,634	VIC	9,782
VJC	8,616	HPG	9,504
FPT	6,793	VNM	9,375

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

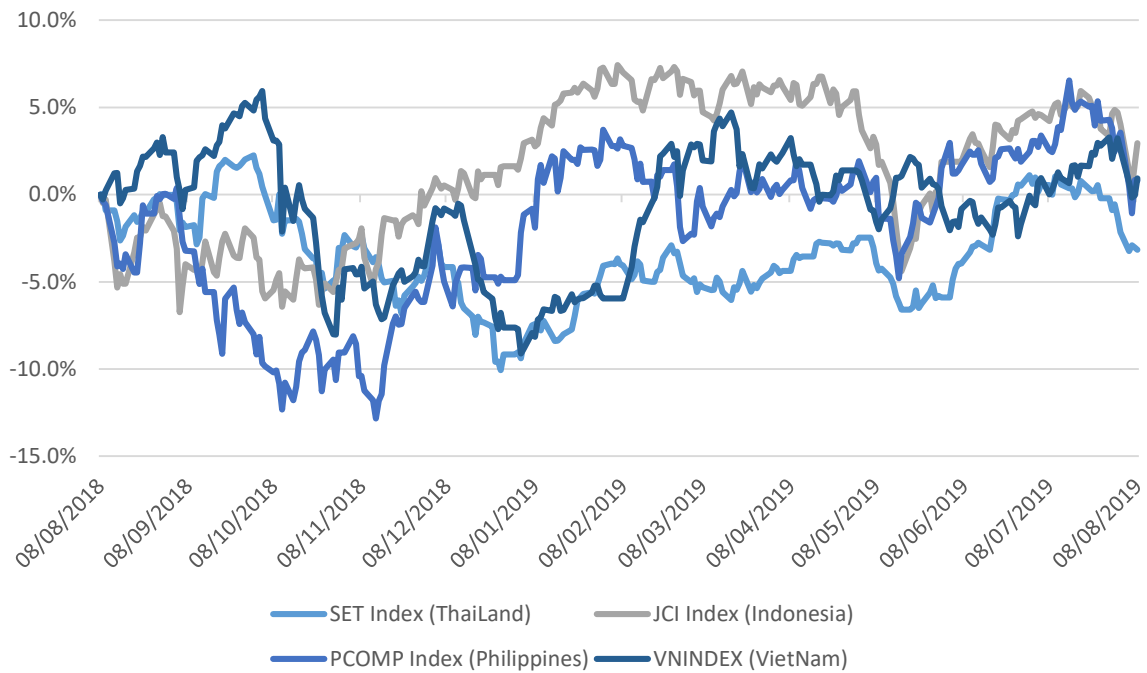


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

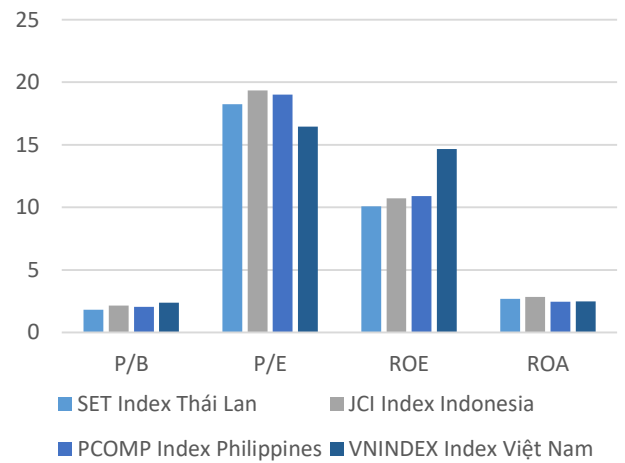
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.2x	2.0x	2.4x
P/E		18.2x	19.3x	19.0x	16.4x
ROE	%	10.09	10.73	10.89	14.67
ROA	%	2.68	2.83	2.44	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	557.56	502.38	190.96	140.43
GTGD	Triệu USD	2.32	0.53	0.10	0.12
LS cổ tức	%	3.10	2.46	1.67	1.70

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3832

phat.pham@yuanta.com.vn

**Đặng Phi Phôn**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written